

Số: /TTCĐ

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CHẨN ĐOÁN BỆNH THỦY SẢN

Phòng thử nghiệm ngành Nông nghiệp và PTNN, Mã số: LAS - NN 11
Phòng thử nghiệm Quản lý chất lượng theo ISO/IEC 17025:2005, Mã số: VLAT 0009

TT	Tên bệnh	Đối tượng xét nghiệm	Loại mẫu	Kỹ thuật xét nghiệm	Mã số phép thử	Đánh giá công nhận	Thời gian xét nghiệm (ngày)*
1. Bệnh do virus							
1.1	Hội chứng đốm trắng (WSSV) trên tôm	- Tôm - Các loài giáp xác	Mang, máu, gan tụy, ấu trùng, hậu ấu trùng	Realtime PCR	V615-16	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	03
			Đầu ngực, tôm nguyên con	Nhuộm Hematoxylin & Eosin (HE)	V616-04	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	05
1.2	Bệnh Hoại tử dưới vỏ và cơ quan tạo máu (IHHNV) trên tôm	- Tôm - Các loài giáp xác	Mang, máu, chân bơi, ấu trùng, hậu ấu trùng	Realtime PCR	V615-11	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	03
				PCR			05
1.3	Hội chứng Taura (TSV) trên tôm	- Tôm - Các loài giáp xác	Biểu mô dưới vỏ kitin, mang, máu, chân bơi, ấu trùng, hậu ấu trùng.	Realtime RT-PCR	V615-14	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	03
1.4	Bệnh đầu vàng (YHV) trên tôm	- Tôm - Các loài giáp xác	Mang, máu, gan tụy, ấu trùng, hậu ấu trùng	Realtime RT-PCR	V615-17	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	03
1.5	Bệnh hoại tử cơ (IMNV) trên tôm	Tôm	Cơ, mang, máu, chân bơi, trứng, ấu trùng, hậu ấu trùng	Realtime RT-PCR	V615-12	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	03

TT	Tên bệnh	Đối tượng xét nghiệm	Loại mẫu	Kỹ thuật xét nghiệm	Mã số phép thử	Đánh giá công nhận	Thời gian xét nghiệm (ngày)*
1.6	Bệnh hoại tử thần kinh (VNN) trên cá	Các loài cá biển	Não, võng mạc mắt.	Realtime RT-PCR	V615-15	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	03
				Nuôi cấy phân lập	V615-50	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	15
1.7	Bệnh xuất huyết mùa xuân ở cá chép (SVCV)	Cá chép	Gan, thận, lách, mang, não.	Realtime RT-PCR	V615-56	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	03
				RT-PCR	V615-34	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	04
				Nuôi cấy phân lập	V615-39	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	15
1.8	Bệnh Koi Herpesvirus (KHV) gây bệnh ở cá chép	Cá chép	Gan, thận, lách, mang, não.	Realtime PCR	V615-32	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	03
1.9	Bệnh còi (MBV) và bệnh teo gan tụy (HPV) trên tôm	Tôm	Gan, tụy, ấu trùng, hậu trùng Đầu ngực, tôm nguyên con	Duplex Real-Time PCR	V615-33	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	03
				Nhuộm Hematoxylin & Eosin (HE)	V616-05	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	03
1.10	Bệnh teo gan tụy (HPV) trên tôm	Tôm	Đầu ngực, tôm nguyên con	Nhuộm Hematoxylin & Eosin (HE)	V616-06	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	05
1.11	Phát hiện Covert mortality nodavirus (CMNV) gây bệnh trên tôm	Tôm	Đầu ngực, tôm nguyên con	RT-nPCR	V616-74		03
1.12	Bệnh do Red seabream iridovirus (RSIV) gây ra gây ra trên cá	Các loài cá biển	Lách, tim, thận, ruột, mang	Realtime PCR	V615-35	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	03
1.13	Bệnh trắng đuôi trên tôm càng xanh (White tail disease)	- Tôm càng xanh - Các loài giáp xác	Mô cơ, cơ đầu, cơ tim, chân bơi, mang, buồng trứng, ấu	PCR	V615-36	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	04

TT	Tên bệnh	Đối tượng xét nghiệm	Loại mẫu	Kỹ thuật xét nghiệm	Mã số phép thử	Đánh giá công nhận	Thời gian xét nghiệm (ngày)*
			trùng, hậu ấu trùng				
1.14	Bệnh hoại tử cơ quan tạo máu (EHN) ở cá	Cá	Gan, thận, lách	PCR	V615-47	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	04
1.15	Bệnh hoại tử cơ quan tạo máu (IHN) ở cá	Cá	Gan, thận, lách	RT-PCR	V615-48	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	04
1.16	Bệnh nhiễm trùng xuất huyết (VHS) ở cá	Cá	Thận, tim, lách, não	Realtime RT-PCR	V615-49	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	03
1.17	Phát hiện vi-rút Abalone herpesvirus (AbHV) gây bệnh trên bào ngư	Bào ngư		PCR	V615-64		03
1.18	Phát hiện vi-rút Ostreid herpesvirus 1 (OsHV-1) gây bệnh trên nhuyễn thể	Nhuyễn thể		PCR	V615-65		03

2. Bệnh do vi trùng

2.1	Bệnh Hoại tử gan tụy (NHP-B) trên tôm	Tôm	Gan tụy	Realtime PCR	V615-13	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	03
2.2	Bệnh hoại tử gan tụy cấp tính ở tôm (AHPND)	- Tôm - Nhuyễn thể - Sản phẩm thủy sản và môi trường nước	Gan tụy, dạ dày, tôm post, nhuyễn thể, thức ăn tôm, nước, bùn	Nuôi cấy phân lập	V613-63	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	07
				PCR	V613-64	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	04
				Realtime PCR	V613-73	ISO/IEC 17025	04
			Đầu ngực, tôm nguyên con	Nhuộm Hematoxylin & Eosin (HE)	V616-09	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	05
2.3	Bệnh sữa (Milky haemolymph disease) ở tôm hùm.	- Tôm - Nhuyễn thể - Sản phẩm thủy sản và môi trường nước	Máu, gan tụy, thức ăn, nước, bùn	PCR	V613-65	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	04

TT	Tên bệnh	Đối tượng xét nghiệm	Loại mẫu	Kỹ thuật xét nghiệm	Mã số phép thử	Đánh giá công nhận	Thời gian xét nghiệm (ngày)*
				Realtime-PCR	V613-86		04
2.4	Phát hiện vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây bệnh gan thận mũ ở cá bằng phương pháp nuôi cấy phân lập	Cá	Cá, nước, bùn, thức ăn tôm	Realtime PCR	V613-67	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	03
				Nuôi cấy phân lập	V613-66	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	07
2.5	Phát hiện vi khuẩn <i>Yersinia Ruckeri</i> gây bệnh ở cá (Enteric redmouth disease)	Cá	Máu, gan, thận, lách	Realtime PCR	V613-80		05
2.6	Vi khuẩn hiếu khí (định lượng tổng số)	Bệnh phẩm thủy sản và động vật	Bệnh phẩm thủy sản và động vật	Nuôi cấy phân lập	V613-68	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	03
2.7	Định lượng <i>Vibrio</i> spp. tổng số bằng phương pháp MPN	Bệnh phẩm thủy sản	Bệnh phẩm thủy sản (Cá, tôm, nước, bùn)	MPN	V613-79		05
2.8	Định danh vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophila</i> ở cá và kháng sinh đồ bằng máy định danh vi khuẩn tự động	Cá	Cá, gan thận, lách, nước, bùn, thức ăn	Định danh vi khuẩn, kháng sinh đồ tự động VITEK 2	V613-74		04
2.9	Định danh vi khuẩn <i>Pseudomonas fluorescens</i> ở cá và kháng sinh đồ bằng máy định danh vi khuẩn tự động	Cá	Cá, gan thận, lách, nước, bùn, thức ăn	Định danh vi khuẩn, kháng sinh đồ tự động VITEK 2	V613-75		04

TT	Tên bệnh	Đối tượng xét nghiệm	Loại mẫu	Kỹ thuật xét nghiệm	Mã số phép thử	Đánh giá công nhận	Thời gian xét nghiệm (ngày)*
2.10	Phân lập, định danh vi khuẩn <i>Photobacterium damsela</i> ở cá và kháng sinh đồ bằng máy định danh vi khuẩn tự động	Cá	Cá, gan thận, lách, nước, bùn, thức ăn	Định danh vi khuẩn, kháng sinh đồ tự động VITEK 2	V613-81		04
2.11	Giải trình tự đoạn API, AP2, và AP3 của vi khuẩn <i>Vibrio parahaemolyticus</i> gây bệnh hoại tử gan tụy cấp ở tôm	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> có trình tự đoạn API, AP2, và AP3		Giải trình tự gen	V613-88		
2.12	Giải trình tự gen của vi khuẩn <i>Vibrio parahaemolyticus</i> gây bệnh hoại tử gan tụy cấp ở tôm	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> gây bệnh hoại tử gan tụy cấp ở tôm		Realtime PCR	V613-89		
3. Ký sinh trùng							
3.1	Bệnh <i>Perkinsus</i> spp. trên nhuyễn thể.	Nhuyễn thể	Màng áo, mang	Nuôi cấy truyền thống RFTM	V616-10	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	07
				Realtime PCR	V616-11	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	04
3.2	Bệnh <i>Perkinsus olseni</i> trên nhuyễn thể	Nhuyễn thể	Màng áo, mang	PCR	V616-13	- Bộ NN & PTNT - ISO/IEC 17025	04
3.3	Vi bào tử trùng <i>Enterocytozoon Hepatopenaei</i> (EHP)	<i>Enterocytozoon Hepatopenaei</i>	Tôm	PCR	V616-23	ISO/IEC 17025	04
3.4	Phát hiện ký sinh trùng trên cá bằng phương pháp soi tươi	Nhớt (da, vây), mang và dịch ruột của cá		Soi tươi	V616-25		04
3.5	Phát hiện ký sinh trùng đơn bào <i>Bonamia ostreae</i> trên hàu bằng phương pháp PCR	Hàu	Mang, tim	PCR	V616-26		04

*: - Tính theo ngày làm việc.

- Trong trường hợp xét nghiệm phục vụ chống dịch thực hiện theo quy định của Cục Thú y.

- Phí xét nghiệm thực hiện theo Quyết định số 1790/QĐ-TYV6 ngày 30/12/2016 Ban hành danh mục chi tiết về biểu giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật và chẩn đoán thú y tại Cơ quan Thú y vùng VI.

➤ **Hướng dẫn bảo quản, vận chuyển mẫu theo kỹ thuật xét nghiệm:**

a) *Kỹ thuật sinh học phân tử (PCR/Realtime PCR)*

- * Đối với tác nhân virus và kí sinh trùng
 - Bảo quản mẫu ở 4°C trong 24 giờ.
 - Bảo quản mẫu trong dung dịch cồn (70 – 90%).
 - Bảo quản mẫu đông lạnh (ở âm 20-80°C).
- * Đối với tác nhân vi khuẩn
 - Bảo quản mẫu ở 4°C trong 24 giờ.
 - Bảo quản mẫu trong dung dịch cồn (70– 90%).

Chú ý: Đối với bệnh hoại tử gan tụy cấp tính trên tôm (AHPND), Vi bào tử trùng (EHP: Enterocytozoon hepatopenaei), mẫu tươi được bảo quản ở 4°C trong 24 giờ.

b) *Nuôi cấy phân lập*

- * Đối với tác nhân virus
 - Mẫu xét nghiệm: mẫu tươi, bảo quản ở 4°C trong 24 giờ.
 - Bảo quản mẫu đông lạnh (ở âm 80°C).
- * Đối với tác nhân kí sinh trùng và vi khuẩn
 - Mẫu xét nghiệm: mẫu tươi, bảo quản ở 4°C trong 24 giờ.

c) *Nhuộm Hematoxylin và Eosin (HE)*

Mẫu được bảo quản trong dung dịch cố định (dung dịch Davidson).

* Đối với mẫu ấu trùng (larvae) và hậu ấu trùng (postlarvae-PL) PL12: Ngâm mẫu trực tiếp vào dung dịch cố định.

* Đối với tôm từ 13 đến 20 ngày tuổi: Dùng kim tiêm tiêm một giọt dung dịch cố định vào phần gan tụy của tôm. Sau đó ngâm tôm vào lọ chứa dung dịch cố định.

* Đối với các mẫu tôm từ 20 ngày tuổi trở lên: Tiêm dung dịch cố định trực tiếp vào phần đầu ngực và phần bụng. Vị trí tiêm và liều lượng tiêm tùy thuộc vào kích cỡ tôm nhưng phải đảm bảo tôm ngấm đều với dung dịch cố định. Bơm đầy kim tiêm từ từ cho đến khi quan sát thấy màu sắc tôm chuyển sang màu hồng thì dừng lại. Dùng kéo hoặc dao rạch một đường ở phần đầu (đường giữa, mặt bụng) để dung dịch cố định dễ dàng ngấm vào khối gan tụy. Sau đó ngâm tôm vào lọ chứa dung dịch cố định

Lưu ý:

- Dùng chai lọ chứa mẫu phải có miệng rộng và nắp đậy kín, để tránh dung dịch cố định bị rò rỉ ra ngoài.

- Mẫu được ngâm ngập trong dung dịch cố định với tỉ lệ 1:10 (1 thể tích mẫu: 10 thể tích dung dịch cố định); mẫu không bị dập nát, cong queo.

- Mỗi mẫu phải được dán nhãn và ghi kí hiệu mẫu, thời gian cố định và thời gian thay dung dịch cố định bằng bút chì.

- Thời gian cố định mẫu trong dung dịch Davidson:

- Đối với tôm ở giai đoạn ấu trùng và hậu ấu trùng <PL13: 12-24 giờ
- Đối với tôm từ 13 đến 20 ngày tuổi: 24 giờ.
- Đối với tôm từ 20 ngày tuổi trở lên: 24 – 48 giờ .
- Đối với tôm bố mẹ: 48 – 72 giờ.

- Sau khi hết thời gian cố định, cần thay dung dịch Davidson bằng dung dịch cồn 70%.

➤ **Công thức pha 1 lít dung dịch Davidson dùng cho cố định mẫu:**

- 335 ml nước cất
- 330 ml cồn 95%
- 220 ml formalin 37%
- 115 ml acid acetic đậm đặc

➤ **Địa chỉ liên hệ:**

521/1 Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: 083 9483034

Email: cvd@raho6.gov.vn

- Fax: 083 948303

- Website: raho6.gov.vn

TP. HCM, ngày tháng 03 năm 2017

GIÁM ĐỐC